

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

*

Số 346 -CV/HU

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-
NQ/TU, ngày 17/02/2022 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy.

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 17/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng
trên địa tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. (gửi kèm Nghị
quyết số 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy), **Thường trực Huyện ủy yêu cầu:**

1. Ủy ban nhân dân huyện tham mưu xây dựng dự thảo Chương trình hành động của
Ban Thường vụ Huyện ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày
17/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Dự thảo chương trình gửi về Ban Thường vụ
Huyện ủy **trước ngày 25/02/2022**.

2. Các tổ chức cơ sở Đảng tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 10-NQ/TU,
ngày 17/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa
bàn huyện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như trên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ


Đa Cát K' Hương



TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 10 - NQ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý,
bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Lâm Đồng hiện có 596.642 ha rừng và đất lâm nghiệp, chiếm trên 60% diện tích tự nhiên của tỉnh, gồm: Đất có rừng 540.104 ha (*rừng tự nhiên 455.867 ha, rừng trồng 84.237 ha*); đất chưa có rừng 56.538 ha (*đất trống không có cây gỗ tái sinh 5.058 ha; đất sản xuất nông nghiệp trên diện tích quy hoạch lâm nghiệp 49.415 ha; đất khác 2.065 ha*); trong đó: Rừng đặc dụng 84.224 ha (*chiếm 14,1%*); rừng phòng hộ 172.826 ha (*chiếm 28,97%*); rừng sản xuất 339.592 ha (*chiếm 56,91%*); tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%.

Trong những năm qua, thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy¹, cấp ủy, chính quyền các cấp và hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở có nhiều nỗ lực, cố gắng, thể hiện quyết tâm cao trong công tác quản lý, bảo vệ rừng (QLBVR) và đạt được những kết quả quan trọng: Kịp thời kiện toàn bộ máy các cấp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (QLBV&PTR) phù hợp với điều kiện thực tiễn; nhận thức, hành động của các cấp, ngành, hệ thống chính trị và Nhân dân có sự chuyển biến rõ nét, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về công tác QLBV&PTR; thực hiện tốt chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên theo quy định pháp luật, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện xã hội hóa công tác phát triển rừng; diện tích, chất lượng và tỷ lệ che phủ rừng tăng qua từng năm²; số vụ vi phạm, diện tích, khối lượng lâm sản thiệt hại giảm dần; thực hiện tốt chính sách giao khoán quản lý, bảo vệ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; công tác trồng rừng, chăm sóc rừng, trồng cây phân tán đạt kết quả khá tốt, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững, ổn định đời sống người dân, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên, công tác QLBV&PTR vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế về rừng và đất lâm nghiệp; công tác quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch còn nhiều bất cập; tình trạng khai thác lâm sản trái phép, lấn chiếm, tranh chấp đất rừng còn phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự ở địa phương; chưa khai thác hiệu quả tiềm năng về du lịch sinh

⁽¹⁾ Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 08/8/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản”.

⁽²⁾ Năm 2014: 52,5%; năm 2020: 55%, đứng thứ 6 cả nước và thứ 2 trong các tỉnh Tây Nguyên.

thái rừng gắn với QLBV&PTR; việc lấn chiếm, trồng cây nông nghiệp trên đất lâm nghiệp xảy ra ở nhiều địa phương; xã hội hóa công tác QLBV&PTR còn hạn chế.

Nguyên nhân tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu do: Nhận thức, ý thức, trách nhiệm một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan chức năng, đơn vị chủ rừng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác QLBV&PTR chưa đầy đủ, sâu sắc; tinh thần trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước một số địa phương chưa cao; việc kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền các cấp, cơ quan chuyên môn chưa thường xuyên, liên tục, thiếu sâu sát, thậm chí có nơi, có lúc buông lỏng; sự phối hợp giữa các lực lượng chức năng với chính quyền địa phương, đơn vị chủ rừng chưa kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả thấp; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp ngày càng phức tạp, tinh vi; công tác tuyên truyền, vận động hiệu quả chưa cao; việc điều tra, xử lý vi phạm còn chậm, thiếu kiên quyết nên các vụ việc sai phạm để kéo dài, xử lý chưa dứt điểm và thiếu tính răn đe; chưa quyết liệt trong việc giải tỏa, thu hồi diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm để khôi phục lại rừng...

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Xác định công tác QLBV&PTR là trách nhiệm, nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, thường xuyên, liên tục của cấp ủy, chính quyền các cấp, lực lượng Kiểm lâm và đơn vị chủ rừng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phải thường xuyên, liên tục, đảm bảo sát thực tiễn; mọi hành vi vi phạm quy định về QLVR phải được kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời, theo quy định pháp luật.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp, sát với yêu cầu thực tiễn của từng địa phương, đơn vị.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tạo chuyển biến căn bản trong nhận thức, hành động của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, đơn vị chủ rừng, doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò quan trọng của rừng, đất lâm nghiệp.

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của rừng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tuân thủ pháp luật; đồng thời, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, chủ động ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung phát triển rừng bền vững, đầu tư trồng các loại cây lâm nghiệp, cây đa mục đích phù hợp với điều kiện từng vùng; phát triển mạnh các loại hình du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, hiệu quả kinh tế của rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn năm 2021 - 2025

Quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác hiệu quả, bền vững, nâng cao chất lượng rừng và đất lâm nghiệp hiện có theo quy hoạch; phấn đấu giảm từ **20%/năm**

trở lên về số vụ vi phạm, diện tích rừng và khối lượng lâm sản bị thiệt hại; số vụ vi phạm phát hiện được đối tượng vi phạm đạt từ **85%** trở lên; giải tỏa, thu hồi toàn bộ diện tích rừng mới bị phá, đất lâm nghiệp mới bị lấn chiếm để trồng lại rừng; khoanh nuôi tái sinh rừng. Triển khai trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, trồng 50 triệu cây xanh; khôi phục rừng trên đất lâm nghiệp đang canh tác nông nghiệp theo kế hoạch; phát triển rừng sản xuất, trồng cây dược liệu, cây đặc sản có giá trị cao dưới tán rừng; chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn quản lý, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng từ **55%** trở lên.

Nâng cao giá trị kinh tế từ rừng thông qua thu hút các nguồn lực đầu tư của nhà nước, doanh nghiệp, khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, du lịch cộng đồng; giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới, tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp lên 4 - 5% giá trị sản xuất của toàn ngành.

b) Định hướng đến năm 2030

Tiếp tục thực hiện các biện pháp, giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong QLBR; các vụ vi phạm quy định về QLBR được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định; nâng cao chất lượng rừng (*cả rừng tự nhiên và rừng trồng*); phát triển kinh tế rừng; thực hiện trồng rừng, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, trồng 50 triệu cây xanh, trồng cây đa mục đích trên diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp còn lại theo kế hoạch; thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trong công tác QLBR&PTR; phấn đấu đến năm 2030 nguồn thu từ rừng đủ bù đắp kinh phí cho công tác QLBR&PTR, góp phần đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đạt từ **56%** trở lên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

1.1. Xây dựng và triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời, hiệu quả chương trình, kế hoạch thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về công tác QLBR, sử dụng tài nguyên rừng bền vững,... đến tận thôn, buôn bằng nhiều hình thức, nội dung ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu và dễ thực hiện; hình thức, phương pháp phù hợp với từng đối tượng, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số để các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, chấp hành đúng quy định pháp luật. Đồng thời, kịp thời đưa tin các đối tượng vi phạm quy định về QLBR, thông tin xử lý vi phạm của các cơ quan chức năng; biểu dương gương điển hình, người tốt, việc tốt trong công tác QLBR&PTR, nhằm tăng tính răn đe, giáo dục, trong nhân dân.

1.2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác QLBR&PTR, quản lý đất lâm nghiệp; trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, tập trung nguồn lực đầu tư; đồng thời, chỉ đạo thực hiện nghiêm trách nhiệm chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã trong việc quản lý tài nguyên rừng, đất đai, khoáng sản;

tổ chức quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp theo đúng quy hoạch, xem đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

1.3. Tăng cường phối hợp giữa các huyện giáp ranh trong tỉnh và với các tỉnh giáp ranh trong công tác QLBR: Rà soát, bổ sung quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm lâm với các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội trong công tác QLBR; thường xuyên phối hợp tuần tra, kiểm tra, giám sát, trao đổi thông tin giữa các lực lượng trong quá trình thực hiện QLBR.

1.4. Tiếp tục rà soát, giải quyết dứt điểm đối với các hộ dân đang sinh sống trên diện tích đất lâm nghiệp; tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật.

1.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra vai trò, trách nhiệm của tổ chức cơ sở đảng và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ QLBR&PTR. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương phải chịu trách nhiệm trước cấp trên nếu để xảy ra phá rừng, mất rừng, cháy rừng hoặc để tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác rừng, đất lâm nghiệp thuộc địa bàn quản lý.

2. Bảo vệ, phát triển rừng bền vững; khai thác hiệu quả các giá trị rừng

2.1. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ nghiêm, chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng hiện có theo quy hoạch được phê duyệt; trong đó, tập trung bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực các sông lớn, như: Đồng Nai, Sêrêpôk, Đa Nhim,... Chú trọng quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững hệ sinh thái rừng tại các khu vực trọng yếu gắn với quốc phòng - an ninh.

2.2. Thực hiện hiệu quả các biện pháp, giải pháp phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) trong mùa khô; trong đó, nghiên cứu hạn chế xử lý vật liệu cháy bằng giải pháp đốt trước, đặc biệt là tại khu vực rừng cảnh quan, khu vực rừng cửa ngõ vào thành phố Đà Lạt.

2.3. Triển khai đầu tư trồng rừng, chăm sóc rừng trồng tập trung; trồng rừng, trồng cây phân tán, trồng cây xanh đô thị và trồng 50 triệu cây xanh; trồng xen cây đa mục đích trên diện tích sản xuất nông nghiệp thuộc quy hoạch lâm nghiệp theo kế hoạch, gắn với tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng nông thôn mới, phát triển đô thị văn minh trên địa bàn toàn tỉnh. Hàng năm phát động, tổ chức Tết trồng cây, trồng cây nhớ ơn Bác Hồ ở các địa phương...

2.4. Thường xuyên kiểm tra và yêu cầu các tổ chức, cá nhân được thuê đất, thuê rừng quản lý chặt chẽ diện tích rừng, đầu tư dự án đảm bảo đúng tiến độ, có hiệu quả, kiên quyết xử lý và thu hồi dự án vi phạm. Khai thác hiệu quả tiềm năng hệ sinh thái, lợi thế về khí hậu, cảnh quan, hệ thống thác nước, môi trường rừng để phát triển các loại hình du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng; thực hiện tốt các chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác điều tra, xử lý đối với những hành vi vi phạm, truy tố đối với vụ án về rừng, môi trường; không có “vùng cấm”. Thực hiện giải tỏa ngay cây trồng, vật kiến trúc trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm để trồng lại rừng.

3. Hằng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra về QLBR. Lãnh đạo tỉnh đi kiểm tra rừng ít nhất 01 lần/tháng; Bí thư, Chủ tịch UBND huyện/thành

phổ; Bí thư, Chủ tịch UBND xã (phường, thị trấn) đi kiểm tra rừng, dự án có rừng ít nhất **02 lần/tháng** để nắm bắt tình hình, chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc và xử lý vi phạm; từ đó tạo sự chuyển biến, làm giảm mạnh, tiến tới chấm dứt tình trạng vi phạm về rừng, đất lâm nghiệp. Hàng tuần, có báo cáo về công tác QLBR, số liệu cập nhật hàng ngày.

4. Quản lý chặt chẽ diện tích rừng, đất lâm nghiệp theo quy hoạch; ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi vi phạm: tác động, đổ hoá chất làm chết cây rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp; làm nhà lợp, nhà kính trên đất quy hoạch lâm nghiệp; mua bán, sang nhượng và hợp thức hoá quyền sử dụng đất do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp; lợi dụng chính sách dân tộc để lôi kéo, xúi giục, thuê đồng bào dân tộc phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Kiểm tra, quản lý chặt chẽ nguồn gốc gỗ nguyên liệu đưa vào chế biến tại các cơ sở chế biến gỗ; kiên quyết đình chỉ, thu hồi giấy phép kinh doanh, chế biến lâm sản đối với các cơ sở vi phạm trong kinh doanh, chế biến, tàng trữ gỗ không có nguồn gốc hợp pháp, hợp thức hoá gỗ vi phạm.

5. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của đơn vị chủ rừng, chủ dự án; thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện của các dự án đầu tư liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp; yêu cầu các chủ dự án thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, quản lý chặt chẽ tài nguyên rừng, đầu tư làm giàu rừng trên diện tích được giao, được thuê; tuyệt đối không để đất trống. Kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư vi phạm pháp luật, không thực hiện đúng theo nội dung, tiến độ dự án được phê duyệt.

6. Hằng năm, bố trí kịp thời, đầy đủ kinh phí để thực hiện công tác QLBR³; đồng thời, chủ động chuẩn bị đầy đủ vật tư, cây giống chất lượng tốt, nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật phục vụ công tác QLBR; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân (nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo sống ở vùng sâu, vùng xa, gần rừng) tham gia QLBR, trồng rừng, chăm sóc rừng; trồng cây dược liệu, đặc sản rừng dưới tán rừng để có việc làm ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập.

7. Công an tỉnh phối hợp thường xuyên, liên tục và chặt chẽ với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, lực lượng Kiểm lâm và chính quyền cấp huyện, cấp xã, đơn vị chủ rừng rà soát, lập chuyên án để điều tra, xử lý triệt để các ổ nhóm, cá nhân chuyên tham gia phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp tại từng địa phương trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tăng cường công tác tuần tra, truy quét để ngăn ngừa, ngăn chặn và xử lý vụ việc vi phạm tận gốc, ngay từ khi mới phát sinh.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ viễn thám, vệ tinh, công nghệ thông tin,...; tranh thủ các nguồn lực, kỹ thuật hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư số hoá các tài liệu, bản đồ phục vụ công tác QLBR, chế biến lâm sản, đặc sản rừng.

9. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,

⁽³⁾ Giai đoạn 2022-2025 đã bố trí: 219 tỷ đồng.

giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án đầu tư cho vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giao khoán quản lý, bảo vệ rừng từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ thực sự của các hộ được giao khoán; phát triển các mô hình trồng rừng kinh tế, các mô hình lâm sản ngoài gỗ, trồng dược liệu dưới tán rừng để nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của người dân.

10. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội các cấp trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về QLBV&PTR. Tăng cường công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với cơ quan, tổ chức liên quan trong công tác QLBV&PTR. Phát động và triển khai thực hiện hiệu quả phong trào thi đua trong đoàn viên, hội viên đối với hoạt động tuyên truyền về QLBV&PTR. Phát huy vai trò của tuyên truyền trong báo chí.

11. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thường xuyên quản lý, giám sát cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước liên quan đến công tác QLBV&PTR, phòng cháy, chữa cháy rừng; quản lý đất đai; xử lý nghiêm đối với tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm quy định pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, tài nguyên khoáng sản. Gắn trách nhiệm QLBV&PTR, PCCCR, quản lý đất đai với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá phân loại tổ chức cơ sở đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và bình xét danh hiệu tổ chức, gia đình văn hóa hàng năm.

12. Tiếp tục làm tốt công tác tổ chức cán bộ đối với các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác QLBV&PTR, nhất là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục Kiểm lâm thường xuyên rà soát **(6 tháng, 01 năm)** để củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của lực lượng Kiểm lâm, lực lượng quản lý bảo vệ rừng tại các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp, giữ vững và phát huy giá trị của tài nguyên rừng. Có cơ chế chính sách để khuyến khích hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, quản lý, khai thác tiềm năng, lợi thế của rừng và đất lâm nghiệp theo từng địa bàn.

13. Xử lý nghiêm minh trách nhiệm của Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã; xử lý bằng hình thức giáng chức và điều chuyển công tác đối với Hạt trưởng kiểm lâm, Giám đốc/Thủ trưởng đơn vị quản lý rừng thuộc Nhà nước khi để xảy ra tình trạng phát rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp nghiêm trọng, kéo dài trên địa bàn quản lý; xử lý, đưa ra khỏi ngành những cán bộ, công chức thoái hoá, biến chất, bao che, tiếp tay cho các đối tượng vi phạm,... gắn với công tác thi đua khen thưởng hàng năm đối với tổ chức, cá nhân. Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra, xử lý nếu tổ chức, cá nhân có dấu hiệu tiếp tay, bao che, dung túng cho các đối tượng vi phạm, với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban của Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức

phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện. Đối với các thành ủy, huyện ủy phải xây dựng nghị quyết chuyên đề.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết này bằng chương trình, kế hoạch thực hiện; chủ trì, phối hợp với các Ban của Tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy kịp thời chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này và định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện để theo dõi, chỉ đạo.

Nghị quyết này được quán triệt đến chi bộ, đảng viên và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ Nông nghiệp và PTNT,
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh,
- Các Ban của Tỉnh ủy; BCS đảng, đảng đoàn,
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trần Đức Quận

